

Số: 20 /TB-HĐTD

Vĩnh Châu, ngày 07 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc triệu tập thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự Vòng 2;
lệ phí dự tuyển và danh mục tài liệu ôn tập thi Vòng 2 kỳ tuyển dụng
viên chức sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân
thị xã Vĩnh Châu, năm 2023

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, năm 2023;

Căn cứ Công văn số 2218/VP-TH ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đính chính Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, năm 2023.

Căn cứ kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (Vòng 1) kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, năm 2023.

Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu năm 2023 (sau đây gọi là Hội đồng tuyển dụng viên chức) thông báo về việc triệu tập **146 thí sinh** đủ điều kiện, tiêu chuẩn (theo danh sách đính kèm) tham dự Vòng 2; lệ phí dự tuyển và danh mục tài liệu ôn tập thi Vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, năm 2023, cụ thể như sau:

- Hình thức thi Vòng 2:** thi viết nghiệp vụ chuyên ngành.
- Thời gian thi Vòng 2:** Ngày 20/8/2023.
- Địa điểm tổ chức thi Vòng 2:** Trường Trung học cơ sở Châu Văn Đơ, đường số 04, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Lệ phí dự tuyển:

a) **Mức lệ phí dự tuyển:** 400.000 đồng/thí sinh (bốn trăm ngàn đồng) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

b) **Thời gian nộp lệ phí:** Từ ngày thông báo đến hết ngày 10/8/2023.



c) **Địa điểm nộp lệ phí:** Phòng Nội vụ thị xã Vĩnh Châu, Khu hành chính UBND thị xã, Đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Điện thoại liên hệ: 02993.911.312.

5. Danh mục tài liệu ôn tập: (theo nội dung tài liệu đính kèm).

* **Lưu ý:** Thí sinh đối chiếu lại các thông tin cá nhân trong danh sách ban hành kèm theo Thông báo này. Trường hợp có thay đổi thông tin đề nghị liên hệ cơ quan thường trực Hội đồng tuyển dụng viên chức (Phòng Nội vụ) qua số điện thoại: 02993.911.312 để được xem xét, cập nhật thông tin.

Thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử thị xã Vĩnh Châu tại địa chỉ <http://www.vinhchau.soctrang.gov.vn> và phát thanh trên hệ thống thông tin truyền thanh để thí sinh được biết.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thị xã Vĩnh Châu thông báo đến các thí sinh được biết và tham dự./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- CT.UBND thị xã;
- Các thành viên HĐTD;
- Ban Giám sát;
- Trưởng ban Đề thi;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Trung tâm Văn hóa – Thể thao
 - Truyền thanh thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, NC.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Trần Trí Vân**



DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2 (THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH) KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC THỊ XÃ VINH CHÂU NĂM 2023
(Đính kèm Thông báo số 20 /TB-HĐTD ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức thị xã Vinh Châu)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	GIÁO VIÊN MẦM NON													
1	Quách Văn Anh	06/12/1997	Nữ	Hoa	Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
2	Huỳnh Tú Bình	15/9/2001	Nữ	Hoa	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
3	Lý Thị Khê Ri Ca	15/9/2000	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
4	Thạch Thị Cha Ri Da	05/10/2002	Nữ	Khmer	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
5	Lâm Thị Hồng Đào	07/12/2001	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
6	Bùi Ngọc Diệp	23/12/1998	Nữ	Kinh	Thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non		
7	Nguyễn Thị Bé Hiền	10/02/1996	Nữ	Kinh	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		
8	Đào Thị Hương	02/3/1990	Nữ	Kinh	Xã Hải Phong, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Đại học	Giáo dục mầm non		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non 1/6	Giáo viên mầm non		
9	Dương Thị Bích Huyền	09/3/2000	Nữ	Khmer	Xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
10	Triệu Thị Dương Kiều	12/11/1997	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Ngô Thị Bích Liên	29/7/2000	Nữ	Kinh	Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		
12	Thạch Thị Sô Ly	09/3/1996	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
13	Thạch Thị Lệ Mai	17/12/2002	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
14	Thạch Thị Rét Sà Máy	19/11/2002	Nữ	Khmer	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
15	Trần Nguyễn Diễm My	19/11/2000	Nữ	Kinh	Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		
16	Son Vil Na	13/02/2002	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
17	Châu Bích Năng	12/01/1989	Nữ	Hoa	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Phước	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
18	Lâm Thị Yến Ngọc	23/7/1996	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
19	Thạch Thủy Nguyên	11/11/2002	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Phường 2	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
20	Đinh Thị Thanh Nhã	08/10/1996	Nữ	Kinh	Xã Bình Thẳng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non 1/6	Giáo viên mầm non		
21	Lê Thị Như Nhớ	12/8/1999	Nữ	Kinh	Xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22	Cao Hoàng Như	24/6/1995	Nữ	Kinh	Xã Thuần Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Khánh Hòa	Giáo viên mầm non		
23	Sơn Thị Hồng Nhung	14/9/2000	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
24	Trần Ngọc Phụng	05/7/2000	Nữ	Kinh	Xã Long Thanh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		
25	Ngô Thị Phụng	02/02/1996	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
26	Trần Ngọc Phương	01/01/1995	Nữ	Kinh	Xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Hòa Đông	Giáo viên mầm non		
27	Lâm Thị Thu Thảo	19/10/2002	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
28	Trương Thị Chanh Thị	10/01/1997	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Phước	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
29	Lâm Thị Thol	02/7/1990	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Phước 1	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
30	Nguyễn Thị Anh Thư	27/7/1997	Nữ	Kinh	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		
31	Trần Thùy Minh Thư	06/11/2001	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
32	Ngô Thùy Tiên	06/10/2001	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non				Trường Mầm non Lai Hòa	Giáo viên mầm non		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
33	Dương Cẩm Tiên	13/10/2000	Nữ	Hoa	Thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm mầm non		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
34	Lâm Thị Ngọc Trám	29/01/2001	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Hải	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
35	Thạch Thị Huyền Trân	07/11/2002	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non Vĩnh Tân	Giáo viên mầm non	Dân tộc thiểu số	
36	Lâm Thị Thanh Trúc	14/6/2002	Nữ	Kinh	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Trường Mầm non 1/6	Giáo viên mầm non		
37	Lê Thị Hồng Tươi	06/9/1991	Nữ	Kinh	Xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Giáo dục mầm non		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non 1/6	Giáo viên mầm non		
II GIÁO VIÊN TIỂU HỌC														
<i>Giáo viên tiểu học (Chủ nhiệm lớp)</i>														
1	Trần Thị Thúy An	20/6/1998	Nữ	Kinh	Xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học Hòa Đông 1	Giáo viên tiểu học		
2	Thạch Thị Kim Ánh	12/5/1993	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
3	Thạch Thị Xuân Đào	15/01/1994	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 3	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
4	Thạch Thị Don	04/01/1997	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
5	Nguyễn Thị Cẩm Giang	25/12/1995	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 1	Giáo viên tiểu học		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Bùi Thị Cẩm Hằng	22/9/1994	Nữ	Kinh	Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 1	Giáo viên tiểu học		
7	Diệp Thị Thu Loan	01/10/1992	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 4 Phường 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
8	Lý Thành Lộc	27/6/1990	Nam	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học				Trường Tiểu học Vĩnh Phước 3	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
9	Nguyễn Hoàng Long	21/9/1997	Nam	Kinh	Xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Tiểu học 4 Phường 2	Giáo viên tiểu học		
10	Nguyễn Thị Hồng Ly	18/10/1999	Nữ	Kinh	Xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Tiểu học Lai Hòa 1	Giáo viên tiểu học		
11	Nguyễn Kiều My	04/7/1999	Nữ	Kinh	Xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục tiểu học				Trường Tiểu học Hòa Đông 1	Giáo viên tiểu học		
12	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/10/1993	Nữ	Kinh	Xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Giáo viên tiểu học		
13	Nguyễn Thị Diễm Ngọc	08/01/1992	Nữ	Khmer	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 1	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
14	Kim Ngọc Bích Như	15/02/1991	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
15	Tăng Thị Na Si	10/02/1997	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 2 Phường 1	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
16	Nguyễn Thị Bích Thi	24/8/1997	Nữ	Kinh	Xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 4 Phường 2	Giáo viên tiểu học		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
17	Đình Văn Thưa	01/01/1990	Nam	Kinh	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Giáo viên tiểu học	Con thương binh	
18	Huỳnh Thị Tiểu Yến	03/6/1998	Nữ	Khmer	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục tiểu học		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên tiểu học (dạy môn Giáo dục thể chất)														
1	Lâm Hoàng Diệu	04/12/1989	Nam	Khmer	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Thể dục		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 4	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
2	Trần Phúc Huy	14/4/1998	Nam	Kinh	Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục Thể chất				Trường Tiểu học Hòa Đông 1	Giáo viên tiểu học		
3	Trần Thanh Nam	07/01/1992	Nam	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục thể chất				Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
4	Châu Minh Thái	10/11/1998	Nam	Khmer	Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Huấn luyện thể thao	Nghệ vụ sư phạm trung cấp chuyên nghiệp	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Hòa Đông 1	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên tiểu học (dạy môn Âm nhạc)														
1	Huỳnh Thanh Dàng	01/6/1994	Nam	Khmer	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		Trình độ A	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 4	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
2	Giang Trí Đô	20/12/1993	Nam	Kinh	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		Trình độ A	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lai Hòa 4	Giáo viên tiểu học		
Giáo viên tiểu học (dạy môn tiếng Anh)														
1	Trần Thị Kim Loan	15/02/1991	Nữ	Khmer	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				Trường Tiểu học Vĩnh Phước 1	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
2	Trần Thị Pa Ri	09/9/1994	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				Trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Kim Thị Sa Ri	30/3/1992	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường Tiểu học 3 Phường 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
4	Trà Thị Mỹ Trinh	14/11/1994	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B2 - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
5	Mai Hồ Như Ý	05/10/1996	Nữ	Kinh	Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Pháp	Trường Tiểu học 2 Phường 2	Giáo viên tiểu học		
Giáo viên tiểu học (dạy môn Tin học)														
1	Phan Văn Cung	13/7/1988	Nam	Kinh	Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Toán - Tin học				Trường Tiểu học Khánh Hòa 1	Giáo viên tiểu học		
2	Tăng Hoài Đạt	07/10/1994	Nam	Khmer	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Tin học			Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 2	Giáo viên tiểu học	Dân tộc thiểu số	
III GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ														
Giáo viên THCS (dạy môn Ngữ văn)														
1	Châu Kim Ái	20/12/1997	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm THCS	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường THCS Hòa Đông	Giáo viên THCS		
2	Lưu Quốc Bảo	14/12/1997	Nam	Kinh	Xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường THCS Lạc Hòa	Giáo viên THCS		
3	Lê Hồng Đức	10/02/1997	Nam	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm ngữ văn				Trường THCS Vĩnh Phước 2	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
4	Nguyễn Huỳnh Như	01/9/2000	Nữ	Kinh	Xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	Nghiệp vụ sư phạm THCS	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Đặng Thị Cẩm Tuyên	09/02/1992	Nữ	Kinh	Xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm THCS	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Phước 2	Giáo viên THCS		
<i>Giáo viên THCS (dạy môn Lịch sử)</i>														
1	Huỳnh Tuấn Bửu	30/12/1994	Nam	Hoa	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử			Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Cao Lê Mườn Kha	15/7/1993	Nữ	Kinh	Xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS		
3	Thạch Thị Lê	07/9/1995	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
4	Phạm Thành Nhân	12/11/1992	Nam	Kinh	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS		
5	Thạch Thị Chân Đa Ri	06/9/1991	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
6	Thạch Thị Na Ri	20/5/1995	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử			Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
7	Lâm Thị Mỹ Thanh	24/5/1995	Nữ	Hoa	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
8	Trần Lê Loan Thảo	09/5/1997	Nữ	Kinh	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Trình độ A		Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS		
9	Trần Thị Cẩm Tú	10/10/1992	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Trình độ B		Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Nguyễn Thị Mai Vi	27/7/1997	Nữ	Kinh	Xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường TH - THCS Lai Hòa	Giáo viên THCS		
Giáo viên THCS (dạy môn Địa lý)														
1	Thạch Thị Sô Đa	01/7/1992	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Lâm Mùng	15/05/1995	Nam	Khmer	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
3	Lý Thị Sa Oanh Na	15/4/1992	Nữ	Khmer	Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
4	Lưu Thị Thanh	17/02/1995	Nữ	Hoa	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
5	Thạch Thanh	17/3/1993	Nam	Khmer	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
6	Lý Thị Siêu Trang	26/6/1992	Nữ	Khmer	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Địa lý				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên THCS (dạy môn Toán)														
1	Danh Thị Hồng Nhiên	05/7/1991	Nữ	Khmer	Xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Toán		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên THCS (dạy môn Vật lý)														
1	Thạch Thị Thu Nguyễn	11/10/1991	Nữ	Khmer	Xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Vật lý				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Lâm Minh Tài	15/11/1992	Nam	Hoa	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Vật lý		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
3	Lâm Thìn	25/02/1991	Nam	Khmer	Xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Vật lý - Công nghệ		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên THCS (dạy môn Công nghệ)														
1	Lê Thị Hương Lài	19/01/1993	Nữ	Kinh	Thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học	Sư phạm Vật lý - Công nghệ				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS		
Giáo viên THCS (dạy môn Hóa học)														
1	Giang Thị Đà Ry	09/02/1992	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Hóa học		Trình độ B	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Trần Thị Quyền Trân	26/02/1994	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Hóa học				Trường THCS Hòa Đông	Giáo viên THCS		
Giáo viên THCS (dạy môn Sinh học)														
1	Huỳnh Thị Trúc Ly	03/5/1997	Nữ	Khmer	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Sinh học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Thạch Thị Sù Riêng	17/8/1993	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Sinh học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
3	Lâm Thị Xin	08/01/1989	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Sinh học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
Giáo viên THCS (dạy môn tiếng Anh)														
1	Thạch Thị Mĩ Ngọc	23/9/1999	Nữ	Khmer	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Nghiệp vụ sư phạm	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường THCS Vĩnh Phước 2	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Nguyễn Huỳnh Trang	15/09/1996	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Nghiệp vụ sư phạm THCS	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường THCS Vĩnh Phước 2	Giáo viên THCS		
Giáo viên THCS (dạy môn Giáo dục công dân)														
1	Lý Huỳnh	23/10/1992	Nam	Khmer	Xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục công dân		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Châu Văn Đơ	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Thạch Thị Rắc Sa Mây	03/4/1996	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục công dân		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Trường THCS Châu Văn Đơ	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	16/8/1994	Nữ	Kinh	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục công dân		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Châu Văn Đơ	Giáo viên THCS		
4	Bùi Băng Trân	26/02/2000	Nữ	Kinh	Xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Giáo dục công dân		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường THCS Châu Văn Đơ	Giáo viên THCS		
Giáo viên THCS (dạy môn Giáo dục thể chất)														
1	Triệu Trường Em	01/5/1991	Nam	Khmer	Xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
2	Lý Lâm Wuth Thi	23/11/1993	Nam	Khmer	Xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục Thể chất		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
3	Ngô Thịnh	20/11/1991	Nam	Khmer	Xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục Thể chất		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Hòa Đông	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	
4	Nguyễn Hữu Thuận	10/01/1998	Nam	Kinh	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục Thể chất				Trường THCS Hòa Đông	Giáo viên THCS		
5	Sơn Thanh Tuấn	16/3/1993	Nam	Khmer	Xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Giáo dục Thể chất				Trường THCS Vĩnh Hải	Giáo viên THCS	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
IV GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG														
<i>Giáo viên THPT (dạy môn Ngữ văn)</i>														
1	Lâm Hoàng Sang	01/6/1989	Nam	Kinh	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Văn học	Nghiệp vụ sư phạm bậc 1, 2	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT		
2	Yên Thị Mỹ Trinh	10/8/1991	Nữ	Khmer	Xã Châu Hưng, huyện Thanh Tri, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT	Dân tộc thiểu số	
3	Trương Phi Yến	15/10/1988	Nữ	Kinh	Xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Văn học	Nghiệp vụ sư phạm THPT	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT		
<i>Giáo viên THPT (dạy môn Vật lý)</i>														
1	Trần Thị Lan Nhi	14/7/1996	Nữ	Khmer	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Vật lý		Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT	Dân tộc thiểu số	
2	Thạch Ấs Rinh	20/02/1992	Nam	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Vật lý				Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT	Dân tộc thiểu số	
<i>Giáo viên THPT (dạy môn Toán)</i>														
1	Lý Ngọc Chi	03/12/1995	Nữ	Hoa	Thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Toán học		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT	Dân tộc thiểu số	
2	Quách Thu Phương	20/08/1994	Nữ	Hoa	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Sư phạm Toán - Tin học		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo viên THPT	Dân tộc thiểu số	
V Y TẾ TRƯỞNG HỌC														
1	Võ Ngọc Điều	19/7/1992	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 4 Phường 2	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Lâm Thị Mỹ Em	09/6/1994	Nữ	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ	Chứng chỉ hành nghề Khám chữa bệnh	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	
3	Nguyễn Minh Giới	01/9/1997	Nam	Kinh	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hải	Y tế trường học		
4	Đào Thị Thanh Huệ	18/02/2000	Nữ	Kinh	Xã Mỹ Chánh, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	Trung cấp	Y sĩ		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A2 - tiếng Anh	Trường TH - THCS Lai Hòa	Y tế trường học		
5	Lâm Hoàng Khâm	20/02/1997	Nam	Kinh	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 2	Y tế trường học		
6	Nguyễn Thị Hồng Ngân	12/10/1993	Nữ	Kinh	Xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ A - tiếng Anh	Trường Tiểu học 1 Phường 1	Y tế trường học		
7	Lâm Thị Ý Nguyễn	25/11/1992	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Châu Văn Đơ	Y tế trường học		
8	Lê Thị Phương Nhi	22/12/1997	Nữ	Kinh	Xã Lạc Hóa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Hòa 2	Y tế trường học		
9	Lý Thị Tin Nhiên	30/9/1997	Nữ	Hoa	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 3	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	
10	Liêu Mi Ni	08/5/1991	Nam	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 2	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	
11	Lê Ma Ny	10/9/1993	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 1	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Thạch Hoài Thanh	28/5/1996	Nam	Khmer	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ	Chứng chỉ hành nghề Khám chữa bệnh	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	
13	Hồ Thanh Trúc	10/02/1994	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Mầm non Vĩnh Tân	Y tế trường học		
14	Kim Xanh	01/01/1995	Nam	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Chứng chỉ hành nghề Khám chữa bệnh	Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 3	Y tế trường học	Dân tộc thiểu số	
VI	KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP													
1	Sơn Thị Sĩ Vuốt	26/01/2001	Nữ	Khmer	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Kế toán		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B1 - tiếng Anh	Trường THCS Phường 2	Kế toán	Dân tộc thiểu số	
VII	KẾ TOÁN VIÊN													
1	Ngô Thị Thủy Dương	19/8/1988	Nữ	Kinh	Xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Kế toán		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Kế toán viên		
2	Mai Cẩm Nhung	01/01/1991	Nữ	Kinh	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Kế toán		Tin học ứng dụng nâng cao	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Kế toán viên		
VIII	THƯ VIỆN, THƯ VIỆN THIẾT BỊ													
1	Nguyễn Ngọc Ái	10/4/1989	Nữ	Kinh	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện - Thông tin		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 2 Phường 2	Thư viện		
2	Huỳnh Thanh Bình	22/4/1996	Nam	Kinh	Xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện - Thông tin		Trình độ A		Trường THCS Lạc Hòa	Thư viện		
3	Phương Hồng Hải	15/8/1995	Nam	Kinh	Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện - Thông tin				Trường Tiểu học 4 Phường 2	Thư viện		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Lương Chí Hiếu	19/12/1992	Nam	Kinh	Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện				Trường THCS Vĩnh Hiệp	Thư viện	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	
5	Ong Thị Nữ	13/4/1978	Nữ	Hoa	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện		Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trường Tiểu học 3 Phường 2	Thư viện	Dân tộc thiểu số	
6	Lưu Thị Kim Sêl	21/4/1989	Nữ	Hoa	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Thư viện - Thông tin		Trình độ B		Trường Tiểu học Vĩnh Hải 2	Thư viện	Dân tộc thiểu số	
7	Võ Thị Hồng Thắm	22/9/1984	Nữ	Kinh	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Trung cấp	Thư viện - Thông tin				Trường THCS Phường 2	Thư viện		
8	Chung Bích Tuyền	10/5/1999	Nữ	Kinh	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Khoa học Thư viện				Trường THCS Vĩnh Phước 2	Thư viện		
IX	VĂN THƯ KIỂM LƯU TRỮ													
1	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	24/8/1998	Nữ	Khmer	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Quản trị Văn phòng		Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hiệp	Văn thư kiểm lưu trữ	Dân tộc thiểu số	
2	Nguyễn Thị Kim Tiếng	17/02/1991	Nữ	Kinh	Xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Cao đẳng	Sư phạm ngữ văn	Chứng chỉ Quản trị văn phòng và Công tác văn thư lưu trữ	Trình độ A	Trình độ A - tiếng Anh	Trường THCS Vĩnh Hiệp	Văn thư kiểm lưu trữ		
X	PHÓNG VIÊN													
1	Trần Thị Thu Hiền	01/01/1990	Nữ	Khmer	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Đại học	Báo chí và Truyền thông		Trình độ A	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Phóng viên	Dân tộc thiểu số	
2	Nguyễn Phước Thịnh	16/10/1975	Nam	Kinh	Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học	Ngữ văn	Nghiệp vụ báo chí	Trình độ B	Trình độ B - tiếng Anh	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	Phóng viên		

Danh sách có 146 thí sinh

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Điều lệ trường mầm non; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Các thông tư, văn bản của Bộ GD&ĐT về GDMN.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Hiểu biết về chương trình GDMN; Kỹ năng lập kế hoạch thực hiện chương trình GDMN; Các quan điểm mới trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Nhận dạng tình huống; xử lí tình huống sư phạm cụ thể.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc hội về Luật giáo dục (Chương II. Mục 1; Chương III: Điều 47,49,53,65; Chương IV; Chương V: Điều 81).

- Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường mầm non.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

- Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ em mẫu giáo.

2. Phần năng lực chuyên môn nghiệp vụ

2.1. CTGDMN theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDMN; Chương trình GDMN hiện hành (Giới hạn phần dành cho trẻ mẫu giáo);

- Mục tiêu của giáo dục mầm non

- Quan điểm xây dựng chương trình GDMN

- Yêu cầu về nội dung và phương pháp giáo dục mầm non

- Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non và kết quả mong đợi của các lĩnh vực trong chương trình GDMN theo các độ tuổi mẫu giáo.

2.2. Kế hoạch bài dạy (Giáo án): Tổ chức hoạt động có chủ đích gồm Thiết kế bài dạy tổ chức hoạt động tạo hình, hoạt động làm quen với tác phẩm thơ; Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động góc trong chương trình Mẫu giáo.

3. Xử lý tình huống sư phạm

Xử lý tình huống sư phạm trong công tác của người GVMN

- Tình huống sư phạm giữa GVMN và trẻ;
- Tình huống sư phạm giữa GVMN với đồng nghiệp;
- Tình huống sư phạm giữa GVMN với phụ huynh.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* Y TẾ TRƯỜNG HỌC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm. Cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y sĩ và các quy định về công tác y tế trường học.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các dấu hiệu nhận biết, các biện pháp phòng, tránh một số bệnh, tật trong lứa tuổi học đường.

- **Phần nghiệp vụ y tế (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể (triệu chứng, bệnh lý, tai nạn thương tích thường gặp trong y tế trường học).

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế - Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học (Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Chương II).

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ (Điều 10, Mục 3 Chương II).

2. Chuyên môn

Các dấu hiệu nhận biết, các biện pháp phòng, tránh một số bệnh (bệnh lao, nhiễm khuẩn hô hấp cấp, sốt xuất huyết, uốn ván, tiêu chảy, tả, lỵ ...), tình trạng ngộ độc thức ăn, tật cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh sâu răng; một số tai nạn thương tích (ngạt nước, ong đốt, ngã,...)

3. Nghiệp vụ y tế (Xử lý tình huống)

- Nhận biết (đánh giá) và xử trí ban đầu một số triệu chứng, bệnh lý xảy ra trong trường học (cảm sốt, sốt xuất huyết, hạ đường huyết, hạ canxi huyết, đau bụng, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, ngộ độc thức ăn, ...)

- Sơ cứu, cấp cứu ban đầu (sơ cứu vết thương, cầm máu, sơ cứu gãy xương,...)

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III - GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

A. CẤU TRÚC VÀ HÌNH THỨC ĐỀ

1. Cấu trúc: Đề thi có 3 phần, thang điểm là 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Những vấn đề chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Quy định kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.

+ Điều lệ trường tiểu học.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

+ Năng lực phân tích, hướng dẫn học sinh thực hành một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

+ Năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm): Xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học hoặc trong công tác chủ nhiệm.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan để cung cấp cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có).

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Trọng tâm: Mục tiêu Chương trình GDPT 2018 tổng thể, chương trình môn Toán và chương trình môn Ngữ văn cấp Tiểu học).

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Trọng tâm phụ

lục 3: Xây dựng Kế hoạch bài dạy được ban hành kèm theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT).

- Một số vấn đề về công tác chủ nhiệm lớp tiểu học.

2. Kiến thức chuyên môn

- Phân tích, hướng dẫn học sinh thực hành một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy một nội dung kiến thức của môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 1, 2, 3 trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

3. Xử lý tình huống sư phạm

Xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học hoặc trong công tác chủ nhiệm.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III - GIÁO VIÊN ANH VĂN

A. CẤU TRÚC VÀ HÌNH THỨC ĐỀ

1. Cấu trúc: Đề thi có 3 phần, thang điểm là 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):**

+ Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

+ Tổ chức và quản lý nhà trường, tổ chức hoạt động giáo dục, nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên.

+ Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Xây dựng kế hoạch bài dạy cho từng bài học đảm bảo nội dung chương trình và phát triển bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết; thiết kế đề kiểm tra và thi.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý các tình huống sư phạm.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được sử dụng tài liệu**. Những tài liệu liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài tập ở phần thi vận dụng sẽ đính kèm trong đề thi. (nếu có)

B. Nội dung ôn tập:

1. Phần kiến thức chung: Tham khảo các văn bản sau:

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

2. Kiến thức chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch bài dạy bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Lesson plans for teaching listening, speaking, reading, writing)

- Xây dựng kế hoạch bài dạy ngữ pháp. (Lesson plans for teaching grammar)

- Thiết kế bài kiểm tra đánh giá bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Designing tests for listening, speaking, reading, writing)

* Chú ý: Xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT.

3. Nghiệp vụ sư phạm: Xử lý các tình huống sư phạm.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III - GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi gồm 03 phần, thang điểm là 100. Cụ thể như sau:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018; nội dung về chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục thể chất.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp, nguyên tắc dạy học môn GDTC, hiểu và vận dụng lý luận phương pháp để xây dựng được kế hoạch bài dạy; năng lực phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục GDPT nói chung và chương trình môn GDTC nói riêng thí sinh tìm hiểu:

- Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn GDTC cấp tiểu học:

- + Mục tiêu chương trình
- + Yêu cầu cần đạt: về năng lực đặc thù
- + Yêu cầu cần đạt và nội dung ở các lớp
- + Đánh giá kết quả giáo dục

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Phụ lục 3: kế hoạch bài dạy).

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (chú ý đến Chương II; Chương III: Điều 11).

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học (Chương II: Điều 9, 14; Chương III: Điều 19, 21; Chương IV)

- Thông tư Số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GD&ĐT.

2. Phần thực năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày các phương pháp, nguyên tắc dạy học, hình thức dạy học;
- Xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên môn GDTC;
- Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) theo chủ đề: nội dung tập trung ở chương trình GDTC lớp 1-2.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Giải quyết tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình dạy học (Các loại chấn thương phần mềm - cứng - bệnh lý thường gặp trong thể thao).

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III - GIÁO VIÊN TIN HỌC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm 03 phần, thang điểm là 100. Cụ thể như sau:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về Chương trình giáo dục tiểu học, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình giáo dục môn học; phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực; quy định đánh giá học sinh tiểu học; những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về đánh giá học sinh tiểu học; nhận biết, xây dựng đề kiểm tra có phân hóa theo các mức độ; năng lực phân tích, đánh giá, hướng dẫn học sinh nội dung kiến thức của môn học theo chủ đề, theo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình lớp 3, 4, 5; xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) một tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục tiểu học nói chung và chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học ở cấp tiểu học nói riêng thí sinh tìm hiểu:

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (chú ý đến Chương II; Chương III: Điều 11).

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học (Chương II: Điều 9, 14; Chương III: Điều 19, 21; Chương IV)

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT) cấp Tiểu học.

+ Mục V định hướng về nội dung giáo dục môn Tin học ở giai đoạn giáo dục cơ bản.

+ Mục IX giải thích chương trình nội dung yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh chủ yếu năng lực về tin học.

- Quyết định số: 2453/QĐ-BGDĐT ngày 21/07/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình bồi dưỡng giáo viên tin học dạy môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Tin học:

+ Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề;

+ Phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ;

+ Phương pháp đóng vai.

- Xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) một tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo tinh thần Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Phụ lục 3: kế hoạch bài dạy)..

3. Phần xử lý tình huống sư phạm

Xử lý tình huống cụ thể.

- Tình huống giữa giáo viên với học sinh

- Tình huống giữa học sinh với học sinh.

- Tình huống giáo viên với cha mẹ học sinh.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III - GIÁO VIÊN ÂM NHẠC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi gồm 03 phần, thang điểm là 100. Cụ thể như sau:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn Âm nhạc; những quy định về chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Một số vấn đề về nhạc lý cơ bản; Phương pháp dạy học âm nhạc tiểu học và kế hoạch bài dạy.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý các tình huống sư phạm; xử lý các tình huống cụ thể.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập (**Chương II. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp - Điều 3. Giáo viên tiểu học hạng III**)

- Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung quy định bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. (Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập. "**Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp**")

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (chú ý đến Chương II, Chương III: Điều 11).

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường Tiểu học (Chương II: Điều 9, 14; Chương III: Điều 19, 21; Chương IV)

- Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn Âm nhạc, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT:

+ *Đặc điểm môn học;*

+ *Mục tiêu chương trình: mục tiêu chung và mục tiêu cấp tiểu học;*

+ *Yêu cầu cần đạt ở các cấp học: Thể hiện âm nhạc, cảm thụ và hiểu biết âm nhạc, ứng dụng và sáng tạo âm nhạc.*

2. Phần năng lực chuyên môn

2.1. Nhạc lý cơ bản: Xác định giọng; Dịch giọng; Đặt hợp âm cho bài hát tiểu học.

2.2. Phương pháp dạy đọc âm nhạc: Các bước tiến hành dạy hát và dạy đọc nhạc

2.3. Soạn kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Phụ lục 3)

3. Phần nghiệp vụ sư phạm (Xử lý tình huống sư phạm)

Các tình huống sư phạm trong quá trình công tác của giáo viên âm nhạc ở trường tiểu học

- Tình huống sư phạm giữa giáo viên âm nhạc và học sinh tiểu học.
- Tình huống sư phạm giữa giáo viên âm nhạc với đồng nghiệp.
- Tình huống sư phạm giữa giáo viên âm nhạc với phụ huynh.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* THƯ VIỆN VIÊN HẠNG IV

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm có 3 phần, thang điểm 100, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Luật Thư viện (Hoạt động thư viện; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thư viện, người làm công tác thư viện, người sử dụng thư viện); quy định về bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện; quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện; tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học, trung học.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Công tác xây dựng vốn tài liệu; công tác xử lý tài liệu; công tác tổ chức, bảo quản tài liệu; phân loại tài liệu theo khung phân loại thập phân Dewey (DDC14); hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện.

- **Phần xử lý tình huống (30 điểm):** Với vai trò là nhân viên thư viện, thí sinh xử lý tình huống trong quá trình công tác, giao tiếp với bạn đọc, mượn trả tài liệu tại thư viện.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ đính kèm trong đề thi (nếu có).

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Kiến thức chung

- Luật số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019 của Quốc hội: Luật Thư viện (**Chương III, Mục 1 chương IV**).

- Thông tư 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25/5/2020 của Bộ VH,TT&DL quy định về bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ VH,TT&DL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện (**Chương II**).

- Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông (**Chương III, Chương IV**).

2. Năng lực chuyên môn

- **Công tác xây dựng vốn tài liệu:** Nội dung công tác xây dựng vốn tài liệu của thư viện.

- **Công tác xử lý tài liệu:** Nội dung công tác xử lý tài liệu của thư viện.

- **Công tác tổ chức, bảo quản tài liệu:** Nội dung công tác tổ chức, bảo quản tài liệu của thư viện.

- **Phân loại tài liệu:** Phân loại tài liệu theo khung phân loại thập phân Dewey (DDC14).

- Tham khảo thêm Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 của Bộ VH,TT&DL quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện.

3. Xử lý tình huống

Với vai trò là nhân viên thư viện, thí sinh xử lý tình huống trong quá trình công tác, giao tiếp với bạn đọc, mượn trả tài liệu tại thư viện.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm có 3 phần, thang điểm 100, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Các nguyên tắc kế toán; hành vi bị cấm trong kế toán theo Luật Kế toán.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các nguyên tắc, kết cấu và nội dung phản ánh một số tài khoản kế toán hành chính sự nghiệp

- **Phần nghiệp vụ kế toán (30 điểm):** Xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán có liên quan.

2. Hình thức thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu trong khi làm bài.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội: Luật Kế toán: (Các nguyên tắc kế toán - Điều 6 Chương I; các hành vi bị cấm trong kế toán - Điều 13 Chương I).

2. Chuyên môn

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Nguyên tắc, kết cấu và nội dung tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, kho bạc), tài khoản 531 (Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ), tài khoản 008 (Dự toán chi hoạt động).

3. Nghiệp vụ kế toán

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Phương pháp hạch toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu của tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, kho bạc), 531 (Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ), 008 (Dự toán chi hoạt động).

Vận dụng tình huống tài chính xử lý và hạch toán vào các tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng, kho bạc), tài khoản 531 (Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ), tài khoản 008 (Dự toán chi hoạt động).

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

*** GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN NGŨ VĂN**

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc đề thi: Đề thi gồm có 3 phần, thang điểm 100, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông 2018;

+ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (kèm theo các phụ lục của Công văn 5512);

+ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Phần thực hành năng lực chuyên môn (40 điểm):

Các vấn đề liên quan đến kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; các phẩm chất và năng lực cần đạt được trong chương trình; cách kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Phần xử lý tình huống sư phạm (30 điểm):

Xử lý một tình huống cụ thể trong thực tế giảng dạy bộ môn Ngữ văn.

2. Hình thức đề thi

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần chung

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT);

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (kèm theo các phụ lục của Công văn 5512)

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Ngữ văn cần tập trung tìm hiểu kỹ những nội dung sau đây:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT). **Phần này chú ý các vấn đề sau:**

1. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông
2. Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông
3. Kế hoạch giáo dục cấp THCS;
4. Định hướng về nội dung giáo dục môn Ngữ văn và nội dung giáo dục địa phương của môn Ngữ văn.
5. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất của học sinh cấp THCS và yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh cấp THCS.
6. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh
7. Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV).
8. Đánh giá kết quả học tập của học sinh Điều 5, 6, 7, 8, 9 (Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT), áp dụng vào đánh giá học sinh học bộ môn Ngữ văn, trách nhiệm của GV bộ môn, GV chủ nhiệm: Điều 19, Điều 20.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

1. Trình bày được các bước trong một kế hoạch bài học theo phụ lục IV của công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.
2. Kế hoạch bài dạy: Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn theo Phụ lục IV của Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT

3. Phần xử lý tình huống sư phạm

Thí sinh xử lý tình huống thực tế về chuyên môn trong dạy học bộ môn Ngữ văn THCS.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN DẠY LỊCH SỬ

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Luật số 43/2019/QH14 ngày 27/6/2019 của Quốc hội: Luật Giáo dục.

+ Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí THCS được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

+ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Phần thực hành năng lực chuyên môn (40 điểm):

+ Vận dụng các phương pháp dạy học vào dạy học lịch sử.

+ Vận dụng lý thuyết thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan môn Lịch sử.

+ Thiết kế kế hoạch bài dạy cho một tiết dạy lịch sử (Bài dạy được đính kèm) theo tinh thần phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy ban hành kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm): Xử lý tình huống sư phạm trong dạy học lịch sử.

2. Hình thức ra đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan để cung cấp cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có).

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Phần kiến thức tổng quát về chương trình lịch sử THCS

- Luật số 43/2019/QH14 ngày 27/6/2019 của Quốc hội: Luật Giáo dục (Điều: 33, 34, 66, 67, 69, 70, 72).

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và địa lí THCS (phần lịch sử) được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT (**Chương III, IV, VI mục 2, 3a**).

- Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT (**Điều 5,6,7,8,9,12,13,14,15,19**).

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (**Chương II, III, IV**).

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy).

2. Phần năng lực chuyên môn

+ Vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực: Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề; phương pháp đóng vai; phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ; ... vào dạy học môn lịch sử.

+ Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực: Kỹ thuật đặt câu hỏi; kỹ thuật khăn trải bàn; kỹ thuật sơ đồ tư duy; kỹ thuật hỏi và trả lời; ... vào dạy học môn lịch sử.

+ Thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan theo tài liệu đính kèm

+ Thiết kế kế hoạch bài dạy cho một tiết dạy lịch sử (Bài dạy được đính kèm) theo tinh thần phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy ban hành kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Xử lý tình huống cụ thể trong dạy học lịch sử.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN ANH VĂN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở.

+ Tổ chức và quản lý nhà trường, tổ chức hoạt động giáo dục, nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên.

+ Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm): Xây dựng kế hoạch bài dạy cho từng bài học đảm bảo nội dung chương trình và phát triển bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết; thiết kế đề kiểm tra và thi.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm): Xử lý các tình huống sư phạm.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những tài liệu liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài tập ở phần thi vận dụng sẽ đính kèm trong đề thi (nếu có).

B. Nội dung ôn tập:

1. Phần kiến thức chung: tham khảo các văn bản sau

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV).

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường.

2. Kiến thức chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch bài dạy bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Lesson plans for teaching listening, speaking, reading, writing)

- Xây dựng kế hoạch bài dạy ngữ pháp. (Lesson plans for teaching grammar)

- Thiết kế bài kiểm tra đánh giá bốn kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết. (Designing tests for listening, speaking, reading, writing)

* **Chú ý:** Xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

3. Nghiệp vụ sư phạm: Xử lý các tình huống sư phạm xảy ra trong hoạt động giáo dục môn Tiếng Anh.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN GD&ĐT

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Các quy định trong lĩnh vực GD&ĐT và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THCS

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** thiết kế kế hoạch bài dạy.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Tài liệu có nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thực hành năng lực chuyên môn là: Sách giáo khoa môn Giáo dục công dân - Lớp 6 (Bộ sách chân trời sáng tạo)

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Gồm những kiến thức cốt lõi của các văn bản quy định sau đây:

- Luật số 43/2019/QH14 ngày 27/6/2019 của Quốc hội: Luật Giáo dục (Điều 7 - Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục; Điều 22 - Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục)

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT quy định về đạo đức nhà giáo (Điều 3 - Phẩm chất chính trị; Điều 4 - Đạo đức nghề nghiệp)

- **Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông** (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT): Mục IX: Giải thích chương trình (Tiểu mục 2 : Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu ở học sinh; Tiểu mục 3 : Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh; Tiểu mục 4 : Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh - *Tập trung vào yêu cầu về phẩm chất, năng lực của học sinh*)

- **Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân thông** (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT): Mục IV : Yêu cầu cần đạt (**Mục 2:** Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù - *tập trung những năng lực đặc thù*)

- Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: Phụ lục IV: Khung kế hoạch bài dạy (*Thiết kế kế hoạch bài dạy cho một hoạt động*)

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông (Chương II: Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh)

- Sách giáo khoa Giáo dục công dân - Lớp 6 (Thí sinh lựa chọn chủ đề để thiết kế kế hoạch bài dạy cho một hoạt động)

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy cho 01 hoạt động với nội dung bài dạy tự chọn. Trong đó lưu ý:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến Phụ lục IV Khung kế hoạch bài dạy trong Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Về nội dung: Tập trung nội dung chương trình Giáo dục công dân lớp 6 (Bộ sách Chân trời sáng tạo).

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Xử lý các tình huống sư phạm xảy ra trong hoạt động giáo dục môn Giáo dục công dân.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN MÔN TOÁN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Những vấn đề chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018;

+ Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở;

+ Điều lệ trường trung học cơ sở.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

+ Năng lực phân tích, đánh giá, hướng dẫn học sinh một nội dung kiến thức của chương trình môn Toán lớp 6, 7 thuộc chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Năng lực thiết kế, thực hiện kế hoạch bài dạy trong chương trình môn Toán lớp 6, 7 thuộc chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm): Xử lý tình huống cụ thể.

2. Hình thức ra đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan để cung cấp cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có).

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Kiến thức chung

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV)

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình giáo dục phổ thông môn toán.

2. Kiến thức chuyên môn

Phần kiến thức chuyên môn thuộc nội dung chương trình môn toán lớp 6, chương trình toán lớp 7 thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được ban

hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện một hoạt động trong tiến trình dạy học một bài dạy theo khung kế hoạch bài dạy ban hành kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Phụ lục IV).

- Phân tích, đánh giá, hướng dẫn học sinh một nội dung kiến thức về số và đại số; hình học và đo lường; thống kê và xác suất.

- Vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm theo nội dung được gợi ý, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

3. Xử lý tình huống sư phạm

Xử lý các tình huống sư phạm xảy ra trong hoạt động giáo dục môn Toán ở cấp THCS.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN ĐỊA LÍ

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo.

+ Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Các phụ lục kèm theo*).

+ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

+ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử - Địa lí cấp THCS.

- Phần thực hành năng lực chuyên môn (40 điểm):

Các vấn đề liên quan đến kế hoạch dạy học môn Địa lí theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; các phẩm chất và năng lực cần đạt được trong chương trình; cách kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Phần xử lý tình huống sư phạm (30 điểm):

Xử lý một tình huống cụ thể trong thực tế giảng dạy.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu, **được phép** sử dụng Sách giáo khoa Lịch sử - Địa lí khối 6, 7 (bộ Chân trời sáng tạo của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam).

B. Nội dung ôn tập

1. Phần chung

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Chương II, III, IV)

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: chú ý đến Chương II, Điều 6, Điều 8 (đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ)

- Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Các phụ lục kèm theo của công văn 5512*)

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông)

Nội dung này chú ý các vấn đề về phân môn Địa lí:

+ Mục I. Quan điểm xây dựng chương trình;

+ Mục II. Mục tiêu chương trình

+ Mục III. Những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày được các bước trong một kế hoạch bài dạy theo phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung địa lí trong chương trình giáo dục môn Lịch sử và Địa lí lớp 6,7 (bộ sách Chân trời sáng tạo của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) theo Phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Phần xử lí tình huống sư phạm

Xử lý được một tình huống sư phạm trong thực tế giảng dạy nội dung địa lí trong môn Lịch sử và Địa lí.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (SINH HỌC)

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình giáo dục môn Khoa học tự nhiên: Quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục; Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Những vấn đề về phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục môn Khoa học tự nhiên; vận dụng xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) môn Khoa học tự nhiên lớp 7 (phần kiến thức sinh học).

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý các tình huống sư phạm cụ thể trong dạy học môn Khoa học tự nhiên (phần kiến thức sinh học).

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, tài liệu liên quan để cung cấp cho thí sinh làm bài ở phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức chung về, thí sinh tìm hiểu:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Trong đó, thí sinh cần tập trung tìm hiểu kỹ:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT). Phần này chú ý các vấn đề sau:

+ Mục II: Quan điểm xây dựng chương trình;

+ Mục III: Mục tiêu chương trình;

+ Mục IV: Yêu cầu cần đạt;

+ Mục V: Nội dung giáo dục;

Lớp 6, 7 (Phần sinh học)

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Chú ý đến Chương II. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV)

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Chương trình môn Khoa học tự nhiên (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT). Phần này chú ý các vấn đề sau:

+ Mục VI: Phương pháp giáo dục;

+ Mục VII: Đánh giá kết quả giáo dục;

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Khoa học tự nhiên (phần kiến thức sinh học) với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Về hình thức: Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy (giáo án) theo Phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

+ Về nội dung: Tập trung mạch nội dung kiến thức sinh học trong chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 7.

3. Phần nghiệp vụ chuyên môn

Xử lý các tình huống sư phạm cụ thể trong dạy học môn Khoa học tự nhiên (phần kiến thức Sinh học).

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN CÔNG NGHỆ

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018; nội dung về chương trình môn Công nghệ THCS.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp dạy học môn Công nghệ; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan môn Công nghệ; năng lực phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những dữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục THCS nói chung và chương trình môn Công nghệ THCS nói riêng, thí sinh tìm hiểu:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

- Văn bản hợp nhất 06/VBHN-BGDĐT ngày 17/11/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV)

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày việc nội dung, phương pháp cơ bản trong dạy học môn Công nghệ.

- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm môn Công nghệ theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C, D; hướng dẫn học sinh làm và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Công nghệ với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Về hình thức: Thí sinh thiết kế kế hoạch bài dạy (giáo án) theo Phụ lục IV của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

+ Về nội dung: Tập trung phần công nghệ lớp 7, công nghệ lớp 8 trong chương trình môn Công nghệ THCS.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm: Giải quyết tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình dạy học môn Công nghệ.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN GDTC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018; nội dung về chương trình giáo dục phổ thông môn GDTCt.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp, nguyên tắc dạy học môn GDTC, xây dựng kế hoạch bài dạy; năng lực phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục GDPT nói chung và chương trình môn GDTC nói riêng thí sinh tìm hiểu:

- Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (3. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án));

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Chương II, III, IV).

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn GDTC cấp THCS: Mục tiêu chương trình; yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù; yêu cầu cần đạt và nội dung ở các lớp; đánh giá kết quả giáo dục.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Trình bày các phương pháp, nguyên tắc dạy học, hình thức dạy học

- Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) theo chủ đề: nội dung tập trung ở chương trình GDTC lớp 6

3. Phần nghiệp vụ sư phạm: Giải quyết tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình dạy học (Các loại chấn thương phần mềm - cứng - bệnh lý thường gặp trong thể thao).

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN VẬT LÍ

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về chương trình GDPT 2018; nội dung về chương trình GDPT môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí; xây dựng kế hoạch bài dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lí một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông;

- Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Vật lí tập trung tìm hiểu kĩ:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học tự nhiên (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông). Phần này chú ý các vấn đề sau:

+ Mục II: Quan điểm xây dựng chương trình;

+ Mục III: Mục tiêu chương trình;

+ Mục IV: Yêu cầu cần đạt.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT chú ý

đến Chương II, Điều 6, Điều 7 và Điều 9, vận dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn Khoa học tự nhiên.

- Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT lưu ý nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) theo phụ lục IV.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy theo Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Về nội dung: Chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7 hiện hành.

- Trình bày việc hướng dẫn học sinh giải một bài toán Vật lí cụ thể trong chương trình môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí, trong đó chú ý đến việc xây dựng hệ thống các câu hỏi hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài và giải bài toán Vật lí.

- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm

Giải quyết tình huống: Xử lí một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Khoa học tự nhiên - Lĩnh vực Vật lí ở trường phổ thông.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THCS HẠNG III - GIÁO VIÊN HÓA HỌC

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Điều lệ trường THCS; quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh THCS; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT đối với cấp học THCS.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Những kiến thức cơ bản về chương trình môn học Khoa học tự nhiên cấp THCS thuộc lĩnh vực Hóa học; kỹ năng lập kế hoạch bài dạy; dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực người học; kỹ năng giải bài toán Hóa học tổng hợp.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Quy trình xử lý tình huống sư phạm, xử lý tình huống sư phạm cụ thể.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Khoa học tự nhiên cấp THCS: Đặc điểm môn học; quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu chương trình; phương pháp giáo dục.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông (Chương II, Điều 5, 6, 7, 8, 9).

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV).

2. Phần năng lực chuyên môn

- **Thiết kế kế hoạch bài dạy:** Theo tinh thần Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (phụ lục IV); nội dung thuộc lĩnh vực Hóa học của môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7.

- **Phương pháp dạy học:** Vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích hợp, dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm; dạy học theo hướng trải nghiệm sáng tạo; phương pháp giải bài toán Hóa học tổng hợp vô cơ và hướng dẫn người học giải bài toán Hóa học.

3. Xử lý tình huống sư phạm: Xử lý tình huống sư phạm có lồng ghép kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực Hóa học cấp THCS.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* VĂN THƯ VIÊN TRUNG CẤP

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những quy định liên quan đến việc gửi, nhận văn bản điện tử; giá trị pháp lý của văn bản điện tử; những quy định về việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước và việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; nhiệm vụ của văn thư và yêu cầu đối với việc quản lý công tác văn thư.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Việc thực hiện các quy trình quản lý văn bản đi, văn bản đến; nhân bản, đóng dấu, ký số; lập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan.

- **Phần nghiệp vụ (30 điểm):** Xử lý tình huống cụ thể về nghiệp vụ văn thư.

2. Hình thức ra đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. (*Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9*)

- Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. (*Điều 3, Điều 5*)

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. (*Điều 4, Điều 5, Điều 6*)

2. Kiến thức chuyên môn

- Thao tác các bước thực hiện quy trình quản lý văn bản đi, văn bản đến.

- Thao tác thực hiện việc nhân bản, đóng dấu, ký số (Phụ lục I, Nghị định 30/2020/NĐ-CP).

- Thao tác lập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan.

3. Nghiệp vụ văn thư: Xử lý các tình huống liên quan đến nghiệp vụ của văn thư.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THPT HẠNG III - GIÁO VIÊN MÔN TOÁN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. **Cấu trúc:** Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về đổi mới chương trình GDPT 2018; nội dung về đánh giá, điều lệ trường THPT, tiêu chuẩn nghề nghiệp, đổi mới chương trình Toán THPT.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp dạy học toán; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan Toán; năng lực phân tích, đánh giá, hướng dẫn học sinh giải quyết bài toán thuộc chương trình toán THPT.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm; xử lý một tình huống cụ thể về toán trong quá trình giảng dạy.

2. Hình thức đề thi

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu, được sử dụng máy tính cầm tay. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

Phần kiến thức tổng quan về chương trình giáo dục THPT nói chung và chương trình môn Toán THPT nói riêng thí sinh tìm hiểu:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

- Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

- Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Toán tập trung tìm hiểu kỹ:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Bộ GD&ĐT*). Phần này chú ý các vấn đề sau:

- + Mục II: Quan điểm xây dựng chương trình
- + Mục III: Mục tiêu chương trình (chú trọng mục tiêu cấp trung học phổ thông, khuyến khích đến việc lấy ví dụ để phân tích làm rõ)
- + Mục IV: Yêu cầu cần đạt (chú ý đến *Năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học*)

- *Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT cần chú ý đến chương II, điều 6, điều 7, điều 9 và các nội dung liên quan về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán.*

- *Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT cần chú ý đến **chương II, điều 3 kết hợp điều 4** trong thông tư 08/2023/TT-BGDĐT.*

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Hướng dẫn học sinh giải một bài toán cụ thể trong chương trình môn Toán, trình bày bài giải khoa học, chặt chẽ; trong đó, chú ý đến việc xây dựng hệ thống các câu hỏi hướng dẫn học sinh tìm hiểu đầu bài và giải bài toán.

- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm môn Toán theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Toán với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến cấu trúc nội dung kế hoạch bài dạy (giáo án) tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Phụ lục IV)

+ Về nội dung: kiến thức cơ bản trong chương trình môn Toán lớp 10, lớp 11 hiện hành.

- Công văn số 1212/SGDĐT-GDTrH của Sở Giáo dục và Đào tạo Sóc Trăng về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ chuyên môn

Thí sinh cần vận dụng kỹ năng sư phạm, kiến thức chuyên môn nhận định và xử lý tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Toán.

Lưu ý: Ngoài những nội dung nêu trên, thí sinh dự thi cần tự tìm hiểu các kiến thức chuyên môn, các quy định của pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn có liên quan đến vị trí ứng tuyển.

-----HẾT-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

GIÁO VIÊN THPT HẠNG III - GIÁO VIÊN NGŨ VĂN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- Phần kiến thức chung (30 điểm):

+ Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông 2018;

+ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường (*kèm theo các phụ lục của công văn 5512*);

+ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):

Các vấn đề liên quan đến kế hoạch dạy học môn Ngữ văn theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; các phẩm chất và năng lực cần đạt được trong chương trình; cách kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh theo thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):

Xử lý một tình huống cụ thể trong thực tế giảng dạy bộ môn Ngữ văn.

2. Hình thức đề thi

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (*nếu có*) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần chung

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).

- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của trường (*kèm theo các phụ lục của công văn 5512*)

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Ngữ văn cần tập trung tìm hiểu kỹ những nội dung sau đây:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).

Phần này chú ý các vấn đề sau:

1. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông
2. Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông
3. Định hướng về nội dung giáo dục môn Ngữ văn và nội dung giáo dục địa phương của môn Ngữ văn.
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất của học sinh cấp THPT
5. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh cấp THPT.
6. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh
7. Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);
8. Đánh giá kết quả học tập của học sinh điều 5, 6, 7, 8, 9 (Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT), áp dụng vào đánh giá học sinh học bộ môn Ngữ văn, trách nhiệm của GV bộ môn, GV chủ nhiệm: Điều 19, Điều 20.

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

1. Trình bày được các bước trong một kế hoạch bài dạy theo phụ lục IV của Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.
2. Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy ngữ văn trong chương trình môn Ngữ văn lớp 10 theo phụ lục IV của Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

3. Phần xử lý tình huống sư phạm

Thí sinh xử lý tình huống thực tế về chuyên môn trong dạy học bộ môn Ngữ văn THPT.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* GIÁO VIÊN THPT HẠNG III - GIÁO VIÊN VẬT LÝ

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Những vấn đề chung về đổi mới chương trình GDPT 2018; nội dung về đổi mới chương trình Vật lý THPT.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các vấn đề về phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Vật lý; xây dựng kế hoạch bài dạy môn Vật lý; vận dụng lý thuyết trắc nghiệm khách quan thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan môn Vật lý.

- **Phần nghiệp vụ sư phạm (30 điểm):** Xử lý một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Vật lý.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu. Những ngữ liệu, nội dung liên quan để cung cấp thông tin cho thí sinh làm bài trong phần thi vận dụng sẽ được đính kèm trong đề thi (nếu có) dưới dạng phụ lục.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Công văn Số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Trong đó, thí sinh chuyên ngành Vật lý tập trung tìm hiểu kỹ:

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT). Phần này chú ý các vấn đề sau:

+ Mục II: Quan điểm xây dựng chương trình;

+ Mục III: Mục tiêu chương trình;

+ Mục IV: Yêu cầu cần đạt.

- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT chú ý đến Chương II, Điều 6, Điều 7 và Điều 9, vận dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn Vật lý.

- Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT lưu ý nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy (giáo án) theo phụ lục IV.

- Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT (Chương II, III, IV);

2. Phần năng lực chuyên môn

Phần này thí sinh cần chú ý đến:

- Kế hoạch bài dạy (giáo án): Thí sinh thiết kế giáo án cho 01 tiết dạy môn Vật lí với nội dung bài dạy được gợi ý đính kèm cụ thể. Trong đó:

+ Thí sinh cần tập trung chú ý đến nội dung xây dựng Kế hoạch bài dạy theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Về nội dung: Chương trình môn Vật lí lớp 10 hiện hành.

- Trình bày việc hướng dẫn học sinh giải một bài toán Vật lí cụ thể trong chương trình Vật lí THPT lớp 10, trong đó chú ý đến việc xây dựng hệ thống các câu hỏi hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài và giải bài toán Vật lí.

- Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo nội dung đã cho trước, trong đó tập trung chú ý làm rõ lý do đề xuất các phương án A, B, C hoặc D; hướng dẫn học sinh giải và chọn phương án cho câu hỏi vừa thiết kế.

3. Phần nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ chuyên môn

Giải quyết tình huống: Xử lí một tình huống sư phạm cụ thể trong quá trình giảng dạy môn Vật lí ở trường phổ thông.

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

* KẾ TOÁN VIÊN

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Các nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước; kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước; hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Các mục thu, chi ngân sách nhà nước.

- **Phần nghiệp vụ kế toán (30 điểm):** Xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán có liên quan.

2. Hình thức thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận, thời gian làm bài là 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Kiến thức chung

Luật số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội: Luật Ngân sách nhà nước: Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước (*Điều 8 Chương I*); kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước (*Điều 13 Chương I*); hành vi cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước (*Điều 18 Chương I*).

2. Chuyên môn

Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước: Các nội dung thu ngân sách nhà nước (*Điều 2 Chương I*); các nội dung chi ngân sách nhà nước (*Điều 3 Chương I*).

3. Nghiệp vụ kế toán

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp: Phương pháp hạch toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu của tài khoản 111 (Tiền mặt), tài khoản 611 (Chi phí hoạt động), tài khoản 334 (Phải trả người lao động).

Vận dụng tình huống tài chính xử lý và hạch toán vào các tài khoản 111 (Tiền mặt), tài khoản 611 (Chi phí hoạt động), tài khoản 334 (Phải trả người lao động).

-----**HẾT**-----

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN DỤNG NĂM 2023

*** PHÓNG VIÊN HẠNG III**

A. Cấu trúc và hình thức đề thi

1. Cấu trúc: Đề thi có 03 phần, thang điểm 100 điểm, cụ thể:

- **Phần kiến thức chung (30 điểm):** Luật Báo chí, Luật Viên chức, Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ, Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ TT-TT.

- **Phần năng lực chuyên môn (40 điểm):** Thực hiện Luật Báo chí, Luật Viên chức; quy trình lấy tin, khai thác tin; kỹ năng viết tin, bài.

- **Phần nghiệp vụ (30 điểm):** Xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tác nghiệp, thực hiện các công việc được giao.

2. Hình thức đề thi:

- Đề thi theo hình thức viết và tự luận, thời gian làm bài 180 phút.

- Thí sinh **không được** sử dụng tài liệu.

B. Nội dung ôn tập

1. Phần kiến thức chung: Thí sinh cần tìm hiểu:

- Luật số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội: Luật Báo chí.

- Luật số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội: Luật Viên chức (giới hạn chương II, và chương III).

- Nghị định 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ TT&TT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

2. Phần năng lực chuyên môn: Thí sinh cần chú ý đến:

- Nắm vững, toàn diện nội dung Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội, Luật Viên chức năm 2010 tại chương II và chương III, Nghị định 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ.

- Trình bày quy trình, kỹ năng khai thác tin, viết tin, bài,... kỹ năng tác nghiệp chuyên nghiệp của phóng viên, những điều phóng viên không được làm trong hoạt động báo chí, đạo đức nghề nghiệp của người phóng viên..

- Xây dựng kế hoạch định hướng nội dung tin, bài chương trình truyền thanh tại địa phương.

- Quy trình sản xuất chương trình truyền thanh tại huyện, thị, thành phố.

3. Phần xử lý tình huống của người phóng viên: Xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tác nghiệp, thực hiện các công việc được giao.

-----HẾT-----